

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA KINH TẾ**



**NGUYỄN THỊ THU THỦY**

**MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN KINH TẾ NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC  
VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

***CHUYÊN NGÀNH : KINH TẾ CHÍNH TRỊ***

***MÃ SỐ : 60 31 01***

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

***NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ PHƯƠNG THẢO***

HÀ NỘI - 2006

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Mô hình tập đoàn kinh tế (TĐKT) là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường nh- các loại mô hình Cartel, Syndicate, Trust, Conglomerate, Chaebol... Nó ra đời và phát triển từ yêu cầu của tích tụ và tập trung sản xuất ở các n- ớc t- bản phát triển. Vì vậy, nhiều quốc gia trong đó có Trung Quốc đã rất chú trọng đến vấn đề hình thành các TĐKT do những lợi ích kinh tế quy mô lớn mà các tập đoàn tạo ra đối với sự tăng tr- ởng và phát triển trong xu thế hội nhập với toàn cầu hoá kinh tế và từng b- ớc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH - HĐH) đất n- ớc. Từ 1978 đến nay, Trung Quốc đã tiến hành cải cách doanh nghiệp Nhà n- ớc (DNNN) với một trong những nội dung quan trọng là hình thành các TĐKT mạnh, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Do tính đặc thù của Trung Quốc là hầu hết các doanh nghiệp đều thuộc sở hữu nhà n- ớc nên việc phát triển các TĐKT của Trung Quốc chịu ảnh hưởng của Chính phủ nhiều hơn là của các lực l- ợng thị trường.

Nhờ có những cải tiến về thể chế tổ chức doanh nghiệp mà một trong những nội dung của nó là thành lập các TĐKT và ở đó công ty mẹ có vai trò kiểm soát chiến lược hoạt động và vốn đối với các công ty con, trong những năm qua, các TĐKT của Trung Quốc đã phát huy đ- ợc tác dụng đối với nền kinh tế, tạo đ- ợc những b- ớc tăng tr- ởng v- ợt bậc. Trong thời kỳ đổi mới 1978 - 2001, GDP của Trung Quốc đã tăng bình quân hơn 8%/năm và Trung Quốc đã trở thành một trong những nền kinh tế tăng tr- ởng nhanh nhất thế giới.

Tuy nhiên, mô hình TĐKT của Trung Quốc cũng có những hạn chế nhất định. Một số l- ợng lớn các tập đoàn hoạt động không mấy hiệu quả, trong số đó có các TĐKT Nhà n- ớc. Thực tiễn này đặt ra vấn đề cần nghiên cứu đánh giá mô hình TĐKT Nhà n- ớc của Trung Quốc để rút ra những bài học so sánh cho quá trình xây dựng và phát triển các TĐKT Nhà n- ớc ở Việt Nam.

□ Việt Nam, từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đảng và Chính phủ chủ tr- ơng xây dựng các TĐKT mạnh, nhất là trong các ngành công nghiệp mũi

nhọn của nền kinh tế quốc dân để phục vụ cho sự nghiệp CNH và HĐH đất nước. Đối với Việt Nam, việc xây dựng và phát triển TĐKT là vấn đề mới trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Trong đó, việc nhận thức đúng đắn về vai trò của Nhà nước đối với sự hình thành và phát triển của TĐKT là một trong những yêu cầu bức xúc hiện nay của Việt Nam trong quá trình thực hiện đổi mới nền kinh tế nói chung và cải cách DNNN nói riêng.

Trung Quốc và Việt Nam có những điểm tương đồng về mục đích cải cách nền kinh tế và cải cách DNNN. Một là, cả hai nước đều phát triển nền KTTT theo định hướng XHCN và đều là các nước đang phát triển. Hai là, cả hai đều chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang nền KTTT. Ba là, cả hai đều đang trong quá trình CNH - HĐH đất nước. Bốn là, cả hai đều tích cực đổi mới, tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, việc nghiên cứu mô hình TĐKT Nhà nước của Trung Quốc, làm rõ sự hình thành, phát triển TĐKT Nhà nước và đánh giá chúng để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với việc xây dựng, phát triển TĐKT Nhà nước trên cơ sở các Tổng công ty (Tcty) Nhà nước ở Việt Nam là cần thiết. Vì thế, chúng tôi chọn đề tài “**Mô hình tập đoàn kinh tế Nhà nước ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**” làm đề tài luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN).

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Những vấn đề lý luận chung về TĐKT, nhu cầu hình thành và phát triển TĐKT ở Việt Nam và các mô hình TĐKT xuyên quốc gia của một số nước châu Á đã được nhiều tác giả nghiên cứu và công bố qua một số sách và một số bài viết đăng trên các báo và tạp chí. Ví dụ có sách: “Mô hình TĐKT trong công nghiệp hoá và hiện đại hoá” do Vũ Huy Từ chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 2002; sách “Bàn về cải cách toàn diện DNNN” của tác giả Tr-ong Hán Bân do Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 1996; hay sách “Thành lập và quản lý các tập đoàn kinh doanh ở Việt Nam” của PGS.TS. Nguyễn Đình Phan do Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 1996. Và sách “Trung Quốc trước ngã ba đường” của tác giả Peter Nolan, Trần Thị Thái Hà (biên dịch), PGS.TS Trần Đình

Thiên và Nguyễn Mạnh Hùng (hiệu đính), do Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 2005. Sách “Cải tổ các Chaebol Hàn Quốc và Những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam” của TS. Vũ Ph-ơng Thảo do Nxb Đại học quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2005 nghiên cứu mô hình TĐKT của Hàn Quốc, và sách “Những vấn đề cơ bản của Luật DNNN năm 2003” của Vụ Công tác lập pháp do Nxb T- pháp xuất bản năm 2003, tập hợp các quy định pháp lý về Tcty Nhà n-ớc và TĐKT ở Việt Nam ...

Ngoài ra, các bài viết trao đổi về xây dựng mô hình TĐKT Nhà n-ớc ở Việt Nam đã đăng tải nhiều trên các báo, tạp chí nh-: “Một số vấn đề cơ bản của TĐKT” của tác giả Nguyễn Thế Hải đăng trên tạp chí Kinh tế châu □ - Thái Bình D-ơng số 8/2005. Tác giả Đặng Khánh Duy với bài “Cần có một t- duy mới trong thành lập TĐKT ở Việt Nam” đăng trên tạp chí Kinh tế và phát triển, số 98 (8/2005), hay bài “Việt Nam có xây dựng thành công TĐKT” của tác giả Lê Mai đăng trên tạp chí Kinh tế Châu □ - Thái Bình D-ơng, số 9/2005 v.v... Và một số luận văn tốt nghiệp đại học, tốt nghiệp thạc sĩ, các bài báo trên các website cũng nghiên cứu, đề cập đến vấn đề TĐKT ở Việt Nam.

Trong thời gian gần đây, khi Chính phủ chủ tr-ơng hình thành các TĐKT Nhà n-ớc trên cơ sở các Tổng công ty 90 và 91, mô hình TĐKT của Trung Quốc trở thành vấn đề đ-ợc sự tập trung chú ý nghiên cứu. Thạc sĩ Phan Minh Tuấn, có bài “TĐKT Trung Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam” đã đề cập đến những đặc tr-ơng của mô hình TĐKT ở Trung Quốc đăng trên tạp chí Thông tin Khu Công nghiệp Việt Nam, số 31 (4/2003). Và vấn đề làm thế nào để hình thành và phát triển TĐKT đã đ-ợc Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung -ơng nghiên cứu trong một đề án cấp nhà n-ớc: “Đề án hình thành và phát triển TĐKT trên cơ sở Tổng công ty nhà n-ớc”.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, vấn đề cần thiết phải xây dựng các TĐKT Nhà n-ớc ở Việt Nam vẫn đang đ-ợc tranh luận trong giới nghiên cứu. Bên cạnh đó, ch- a có những nghiên cứu sâu đánh giá những mặt đ-ợc và những hạn chế của mô hình TĐKT Nhà n-ớc ở Trung Quốc để từ đó rút ra những bài học vận dụng cho Việt Nam trong việc xây dựng các Tcty 90, 91 thành TĐKT Nhà n-ớc. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu mảng đề tài này là việc làm cần thiết và có ý nghĩa trên cả hai ph-ơng diện lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Mục đích của đề tài là nghiên cứu những quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng và chính phủ Trung Quốc về thành lập TĐKT Nhà n- ốc ở Trung Quốc. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá mô hình TĐKT Nhà n- ốc của Trung Quốc.

Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển TĐKT Nhà n- ốc của Trung Quốc. Trên cơ sở đó, đề xuất các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam tham khảo trong quá trình thí điểm hình thành một số TĐKT từ các Tổng công ty Nhà nước mạnh ở Việt Nam. Vì thực tế ở Trung Quốc, việc thành lập các TĐKT Nhà n- ốc chiếm tỷ trọng lớn là nhằm tạo điều kiện để Trung Quốc điều chỉnh cơ cấu, định hướng phát triển nền kinh tế, đặc biệt là cải cách và phát triển khu vực kinh tế Nhà n- ốc.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung vào việc nghiên cứu các TĐKT của Trung Quốc, đặc biệt là những TĐKT Nhà n- ốc - là những tập đoàn ra đời và phát triển từ sau cải cách DNNN (năm 1978) đến nay.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các TĐKT từ năm 1978 đến nay (số liệu nghiên cứu chủ yếu tập hợp đến năm 2001) trong khuôn khổ lộ trình cải cách DNNN ở Trung Quốc.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xem xét sự hình thành và phát triển của các TĐKT Nhà n- ốc của Trung Quốc trong trạng thái động, nhìn nhận qua các thời kỳ và đặt nó trong mối quan hệ chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ.

Các phương pháp khác như phương pháp so sánh, phương pháp thống kê cũng được sử dụng phục vụ cho mục đích của đề tài.

#### **6. Những đóng góp chính của đề tài**

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về mô hình TĐKT nhà n-ớc của Trung Quốc.
- Phân tích, đánh giá những thành công và thất bại của mô hình TĐKT nhà n-ớc của Trung Quốc.
- Đề xuất một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Cụ thể là những vấn đề mà Việt Nam có thể học hỏi đ-ợc từ kinh nghiệm của Trung Quốc nhằm thực hiện thành công mục tiêu hình thành và phát triển TĐKT Nhà n-ớc của Việt Nam từ mô hình Tổng công ty Nhà n-ớc.

### **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận văn đ-ợc kết cấu gồm 3 ch-ong:

- *Ch-ong 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về TĐKT Nhà n-ớc ở Trung Quốc*
- *Ch-ong 2: Thực trạng hình thành và phát triển của TĐKT Nhà n-ớc ở Trung Quốc*
- *Ch-ong 3: Vận dụng kinh nghiệm của Trung Quốc vào việc xây dựng và phát triển TĐKT Nhà n-ớc ở Việt Nam*

## **CH- ƠNG I**

Cơ sở lý luận và thực tiễn về TĐKT nhà n-ớc ở Trung Quốc

### **1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH TĐKT NHÀ N- ỚC Ở TRUNG QUỐC**

#### **Khái niệm TĐKT Nhà n-ớc của Trung Quốc**

**Khái niệm về Tập đoàn kinh tế (TĐKT)** hay còn đ-ợc gọi là *tập đoàn doanh nghiệp* của Trung Quốc đ-ợc xuất hiện đầu tiên từ những năm 80. Nh-ng cho đến nay, tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm tập đoàn. Có quan điểm cho rằng: “TĐKT là một tổ hợp các liên kết pháp nhân kinh doanh thông qua nhiều mô hình và

ph-ong thức hoạt động khác nhau nhằm phát triển khoa học công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng lợi thế về tập trung sản xuất và tính chất độc quyền trong khuôn khổ pháp luật. Tập đoàn hoạt động ở một hay nhiều ngành khác nhau trong phạm vi một n-ớc hoặc nhiều n-ớc, trong đó có công ty mẹ nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của các công ty con về mặt tài chính và chiến l-ợc phát triển”.

Hiện nay, tên gọi là TĐKT hay tập đoàn kinh doanh hay tập đoàn doanh nghiệp ch- a có sự phân biệt cụ thể nh- ng thực chất các danh từ này là t-ong đ-ong nên đề tài sử dụng tên gọi thống nhất chung cho cả luận văn là **TĐKT**.

Và thực tế ở Việt Nam hiện nay, thuật ngữ đ-ợc sử dụng phổ biến để chỉ loại hình tổ chức kinh tế này là các TĐKT.

Một khái niệm khác đ-ợc coi là đầy đủ hơn về TĐKT đ-ợc đ- a ra trong “Quy định tạm thời về thành lập và quản lý các TĐDN” của Uỷ ban Kinh tế và Mậu dịch Nhà n-ớc, Uỷ ban cải cách cơ cấu Nhà n-ớc từ tháng 4/1995 và đ-ợc khẳng định lại trong bộ “Luật về đăng ký kinh doanh của TĐDN” của Cục Th-ơng mại và Công nghiệp (Trung Quốc) năm 1997, thì: “Tập đoàn doanh nghiệp là một tổ hợp kinh doanh tập hợp các doanh nghiệp liên quan với nhau bởi một công ty mẹ. Công ty mẹ của mỗi tập đoàn doanh nghiệp sẽ hoạt động nh- là hạt nhân của tập đoàn, còn các công ty con và các doanh nghiệp có liên quan khác đều là pháp nhân đ-ợc pháp luật công nhận, chia sẻ tất cả các quyền dân sự liên quan và chịu trách nhiệm dân sự phát sinh; TĐDN không phải là pháp nhân”.

TĐKT Trung Quốc là tổ chức kinh tế có kết cấu tổ chức nhiều cấp, đáp ứng đòi hỏi của nền sản xuất hàng hoá XHCN và của nền sản xuất lớn xã hội hoá. Đó là một khối liên kết bằng quan hệ về tài sản, quan hệ hiệp tác. Nh- vậy, quan điểm của Chính phủ và các doanh nghiệp Trung Quốc về TĐKT là nhất quán và t-ơng đối đồng nhất với quan điểm chung trên thế giới. Tuy nhiên do tính đặc thù về kinh tế của Trung Quốc nên sự hình thành và phát triển của các tập đoàn cũng có những nét đặc tr-ng khá điển hình. TĐKT ở Trung Quốc có thể không là một pháp nhân song cũng có thể là một pháp nhân độc lập giống nh- một hiệp hội các doanh nghiệp nh- ng là hiệp hội đa ngành nghề và có quy mô vốn khổng lồ. Tuy nhiên, khi nhận dạng một TĐKT cần thiết phải quan tâm đến những “đặc điểm” của chúng hơn là việc đ- a ra một định nghĩa có tính “chuẩn hoá”.

Về mặt pháp lý, TĐKT ra đời và tồn tại đ-ợc nhờ các ràng buộc về quan hệ tài chính, quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ khế - ớc (*hợp đồng*). Còn về khía cạnh kinh tế, TĐKT ra đời và phát triển dựa vào nền tảng công nghệ sản xuất hàng loạt, đảm nhiệm tất cả các khâu trong quá trình sản xuất liên kết và chuyên môn hoá.

Bên cạnh các khái niệm trên, ở Trung Quốc còn tồn tại khái niệm cho rằng: TĐKT (tên tiếng Anh là Enterprise group - từ này đ-ợc định nghĩa trong quy định của Chính phủ) là một tập hợp các doanh nghiệp tồn tại độc lập một cách hợp pháp hình thành một công ty mẹ, các công ty con trong đó công ty mẹ chiếm cổ phần đa số và có các doanh nghiệp hoặc tổ chức thành viên.

Quan điểm về TĐKT ở các quốc gia cũng có một số điểm khác nhau. Ví dụ:

\* □ Hàn Quốc, TĐKT đ-ợc gọi là Chaebol: thuật ngữ Chaebol dùng để chỉ một liên minh gồm nhiều công ty hình thành quanh một công ty mẹ. Các công ty th- ờng có cổ phiếu tại mỗi công ty khác và th- ờng do một gia đình điều hành.

\* □ Nhật Bản, TĐKT đ-ợc gọi là Keiretsu: từ này mô tả một tổ hợp liên kết không chặt chẽ gồm các công ty đ-ợc tổ chức quanh một ngân hàng để phục vụ lợi ích của các bên. Đôi khi, không phải luôn luôn, các công ty sở hữu vốn trong từng công ty khác.

Theo cuốn “Từ điển kinh tế” của Nhật Bản, tập đoàn kinh doanh (TĐKD) là một tổ hợp các doanh nghiệp độc lập về mặt pháp lý, nắm giữ cổ phần của nhau và thiết lập đ-ợc mối quan hệ mật thiết về nguồn vốn, nhân lực, công nghệ, cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm.

\* □ □n Độ, TĐKT đ-ợc gọi là Business group: từ này khái quát chỉ tập hợp các công ty liên kết với nhau d- ới một số hình thức chính quy hoặc không chính quy, có đặc điểm là mức độ ràng buộc trung gian, cụ thể là không phải đơn thuần bị ràng buộc bởi các liên minh mang tính chiến l- ợc ngắn hạn và cũng không phải hợp nhất thành một thực thể duy nhất. Các nhóm doanh nghiệp có hai đặc điểm chính, mối liên kết chặt chẽ giữa các công ty trong tập đoàn và những hoạt động phối hợp do những mối liên kết đó tạo thành.



\* □ ph-ong Tây, TĐKT đ-ợc gọi là Conglomerate hoặc Corporation hoặc Group: những từ này th-ờng đ-ợc sử dụng để chỉ một nghiệp đoàn bao gồm nhiều doanh nghiệp về bề ngoài không liên quan với nhau. Cơ cấu này giúp đa dạng hoá rủi ro kinh doanh song sự thiếu tập trung có thể gây khó khăn hơn trong việc quản lý các công ty kinh doanh khác nhau.

Theo một số n-ớc nh- Hà Lan, Anh, Đan Mạch cho rằng: TĐKD là sự liên kết giữa nhiều chủ thể kinh tế có chung lợi ích, có mối quan hệ sở hữu và khế - ớc với nhau, cùng tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một hoặc nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực kinh tế.

\* □ Việt Nam, theo Từ điển Anh - Pháp - Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội (1998), định nghĩa: Một TĐKT và tài chính gồm một công ty mẹ và các công ty khác mà công ty mẹ kiểm soát hay tham gia góp vốn, mỗi công ty con cũng có thể kiểm soát các công ty khác hay tham gia các tổ hợp khác.

**Khái niệm “TĐKT Nhà n-ớc” theo quan điểm của Trung Quốc là:** Tổ chức kinh tế có kết cấu nhiều cấp (*nhiều cấp độ sở hữu*), nó đáp ứng đòi hỏi của nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa và của nền sản xuất xã hội hoá. Doanh nghiệp nòng cốt của nó là nòng cốt của tập đoàn, là thực thể kinh tế có t- cách pháp nhân, tự chủ kinh doanh, hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh. Bằng các hình thức nắm giữ cổ phần khống chế, tham gia cổ phần, hiệp tác, doanh nghiệp nòng cốt gắn bó với một hoặc nhiều doanh nghiệp ở mức độ chặt chẽ, nửa chặt chẽ và liên kết lỏng lẻo. Những doanh nghiệp này đều có t- cách pháp nhân độc lập.

Các học giả của Trung Quốc cũng cho rằng: **TĐKT Nhà n-ớc (TĐKTNN)** là tổ chức kinh tế có kết cấu tổ chức nhiều cấp liên kết với nhau bằng quan hệ tài sản và quan hệ hợp tác nhằm đáp ứng đòi hỏi của nền sản xuất hàng hoá XHCN và của nền sản xuất lớn xã hội hoá. Thông qua việc nắm cổ phần chi phối, tham gia cổ phần, hợp tác, doanh nghiệp nòng cốt của tập đoàn gắn bó với các doanh nghiệp khác ở mức độ chặt chẽ, nửa chặt chẽ và lỏng lẻo. Các doanh nghiệp trong tập đoàn đều có t- cách pháp nhân.

Nh- vậy quan điểm của các nhà lãnh đạo và các doanh nghiệp Trung Quốc về TĐKTNN nói riêng và TĐKT nói chung là nhất quán và t- ơng đối đồng nhất với quan điểm chung trên thế giới. Tuy nhiên, đặc điểm nổi bật ở khái niệm TĐKT Nhà n- ớc của Trung Quốc là nêu rõ tập đoàn có một công ty mẹ và các công ty con với mức độ liên kết chặt chẽ, nửa chặt chẽ, hoặc lỏng lẻo tùy theo số cổ phần của công ty mẹ ở các công ty thành viên nh- ng công

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baoli Xu, Trung tâm Nghiên cứu Quy hoạch và Giám sát tài sản Nhà nước của Hội đồng Nhà nước Trung Quốc và Minggao Shen, Trung tâm Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc - Trường Đại học Bắc Kinh (2003), *Báo cáo: Các Tập đoàn doanh nghiệp của Trung Quốc: Quá khứ, Hiện tại và Tương lai phát triển*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà Nội.
2. Trương Văn Bản (chủ biên) (1996), *Bản về cải cách toàn diện doanh nghiệp nhà nước. Bản dịch của Trần Khang*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Quỹ CEG (ngày 24/02/2005), *Bài thuyết trình cho Hội thảo lần thứ nhất - Dự án Hỗ trợ nghiên cứu về tập đoàn kinh tế*, Hà Nội.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (17/10/2002), *Báo cáo nghiên cứu: “ Cải cách doanh nghiệp Nhà nước - Kinh nghiệm của Trung Quốc và so sánh với Việt Nam”*, Hà Nội.
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (ngày 10/10/2003), *Báo cáo khảo sát “ Trung Quốc sau Đại hội 16 của Đảng Cộng sản: Những vấn đề và triển vọng phát triển”*, Hà Nội.
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (ngày 24 - 25/02/2005), *Hội thảo “ Kinh nghiệm quốc tế về tập đoàn kinh tế” do Chính phủ Việt Nam và Úc tài trợ*, Hà Nội.
7. Chính phủ (1995), *Nghị định số 39/CP ngày 27/6/1995 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Nhà nước*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2004), *Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý Tổng công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con*, Hà Nội.
9. TS. Trần Tiến Cường (chủ biên) (2005), *Tập đoàn kinh tế - Lý luận và Kinh nghiệm quốc tế - Ứng dụng vào Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
10. TS. Trần Tiến Cường, Trường Ban DN - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2003), *Quá khứ, hiện tại và tương lai phát triển của các tập đoàn doanh nghiệp*

*Trung Quốc - Những kinh nghiệm tham khảo, đòi điều so sánh và những vấn đề về phát triển tập đoàn kinh tế của Việt Nam*, Hà Nội.

11. Ths. Đặng Khánh Duy (tháng 8 - 2005), “Cần có một t- duy mới trong thành lập tập đoàn kinh tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (Số 98).
12. Hoàng Văn Dụ (tháng 5 - 2005), “Tập đoàn kinh tế và vấn đề độc quyền, cạnh tranh”, *Tạp chí công nghiệp*, (Kỳ 1).
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung - ương Đảng (Khoá IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN*, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Thế Hải (ngày 21 đến 27/02/2005), “Một số vấn đề cơ bản của tập đoàn kinh tế”, *Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình D- ơng*, (Số 8).
17. Đinh Hằng (2005), “Tập đoàn kinh tế mạnh đầu tiên của Việt Nam” , *Tạp chí phát triển kinh tế*, (số tháng 10).
18. Hoàng Hồ (tháng 5 - 2005), “Một số vấn đề về thành lập tập đoàn kinh tế”, *Tạp chí công nghiệp*, (Kỳ 1).
19. Ths. Trần Thị Hồng (tháng 8 - 2005), “Cơ chế tài chính của Tổng công ty B- u chính Viễn thông Việt Nam theo mô hình tập đoàn” , *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (Số 98).
20. Trần Minh Huân (tổng hợp ngày 24/01/2005), “Chuyên mục Dẫn đầu doanh nghiệp: Các công ty đa quốc gia đầu t- ở Trung Quốc”, *trang web Bộ Công nghiệp: industry.gov.vn*.
21. Ths. Cao Mạnh Hùng (tháng 3 - 2005), “Một số vấn đề về thành lập tập đoàn B- u chính Viễn thông Việt Nam theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (Số 93).

22. Nguyễn Văn Huy, Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ) (2003), *Về tập đoàn doanh nghiệp: Kinh nghiệm Trung Quốc và các vấn đề muốn trao đổi*, Hà Nội.
23. James C.Hsiung - Independent Review, Tài liệu tham khảo đặc biệt - Các vấn đề quốc tế tháng 3 (2004), “Kết quả của việc Trung Quốc gia nhập WTO”, *TTXVN*, (Số quý 2).
24. Justin Yifu Lin, ĐH Bắc Kinh và ĐH Khoa học Công nghệ Hồng Kông, Fang Cai và Zhou Li, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Trung Quốc (tháng 8 - 1999), *Báo cáo: Nguyên nhân thành công của cải cách kinh tế ở Trung Quốc*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng, Hà Nội.
25. Thế Khang (T.H) (23 đến 29/5/2005), “Trung Quốc: tiềm năng phát triển kinh tế”, *Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình D- ơng*, (Số 21).
26. PGS, PTS. Nguyễn Đình Kháng (chủ biên) (1999), *Một số vấn đề cơ bản về phát triển nhận thức kinh tế học chính trị Mác - Lênin trong quá trình đổi mới ở n- ớc ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Hoàng Thị Bích Loan (2002), “Tính đặc thù trong hình thành và phát triển các công ty xuyên quốc gia của NIEs châu Á”, *Tạp chí Kinh tế châu á Thái Bình D- ơng*, (Số 1).
28. Nguyễn Thị Luyến và Trịnh Đức Chiêu (tháng 8 - 2003), Báo cáo đề tài khoa học cấp cơ sở: *Tập đoàn kinh doanh - Nhu cầu hình thành và phát triển ở Việt Nam*. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng, Hà Nội.
29. Lê Mai (28/2 đến 06/3/2005), “Việt Nam có xây dựng thành công tập đoàn kinh tế?”, *Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình D- ơng*, (số 9).
30. GS. Kinh tế học N.Gregory Mankiw, Tr- ờng Đại học Tổng hợp Harvard (chủ biên), Khoa Kinh tế học, Tr- ờng Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội (biên dịch) (2003), *Nguyên lý kinh tế học - Tập 1, 2*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
31. TS. Nguyễn Đăng Nam, Phó Viện tr- ởng Viện Khoa học Tài chính (2003), *Bình luận về báo cáo: “ Các tập đoàn doanh nghiệp của Trung Quốc: Quá khứ, hiện tại và t- ơng lai phát triển” của GS Baoli Xu và Minggao Shen*, Hà Nội.

32. Peter NoLan (chủ biên), Trần Thị Thái Hà (biên dịch), PGS, TS Trần Đình Thiên (hiệu đính), Nguyễn Mạnh Hùng (hiệu đính) (2005), *Sách tham khảo: Trung Quốc tr-ớc Ngã ba đ-ờng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. PGS, PTS. Nguyễn Đình Phan (1996), *Thành lập và quản lý các tập đoàn kinh doanh ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. TS. Trần Anh Ph-ơng (2005), “Vị thế của Việt Nam trong hợp tác ASEAN - Nhật Bản - Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 3 (61)).
35. Tê Kiến Quốc, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền n-ớc CHND Trung Hoa tại Việt Nam (2005), “Sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc và mối liên hệ chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và thế giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 3 (61)).
36. TS. Phạm Thái Quốc (2005), “Những nét chính về kinh tế Trung Quốc năm 2004”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, (Số 3 (107)).
37. TS. Phạm Thái Quốc (2005), “Tiềm lực kinh tế của Trung Quốc - Hiện tại và t-ơng lai”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới*, (Số 6 (110)).
38. PGS. Nguyễn Huy Quý (2005), “Chủ tr-ơng chính sách phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2005”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 2 (60)).
39. TS Lê Kim Sa (2005), “Cuộc đua kinh tế giữa ASEAN và Trung Quốc: Gợi ý chính sách đối với Việt Nam”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới*, (Số 9 (113)).
40. PGS, TS. Lê Văn Sang (2005), “Nâng quan hệ kinh tế th-ơng mại Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao thời đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 2 (60)).
41. PGS, TS. Lê Văn Sang (2005), “Phân tích tình hình kinh tế Trung Quốc 2001 - 2004 và Dự báo khả năng phát triển 2005 - 2010. Những gợi ý chính sách đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 4 (62)).
42. TS. Đỗ Tiến Sâm (2005), “Việt Nam - Trung Quốc tăng c-ờng hợp tác, cùng nhau phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (Số 1 (59)).
43. Tập đoàn kiểm toán quốc tế Ernst & Young, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung-ơng (2003), *Dự án Hỗ trợ nghiên cứu về tập đoàn kinh tế: Những câu hỏi th-ờng gặp về tập đoàn kinh tế*, Hà Nội.

44. TS. Vũ Ph-ong Thảo (2005), *Cải tổ các Cheabol Hàn Quốc và Những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
45. Theo Development and Globalization: Facts and Figures của UNTAD (6 - 2004), “Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia trên thế giới” (bản dịch), *Tạp chí Thông tin Kinh tế xã hội*, (Số 3).
46. Hoàng Công Thi (1999), *Cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
47. PGS, TS Trần Ngọc Thơ (2005), “Hội chứng tập đoàn kinh tế”, *Tạp chí phát triển kinh tế*, (số tháng 10).
48. Thủ t-ớng Chính phủ (2003), *Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16/01/2003 của Thủ t-ớng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN*, Hà Nội.
49. Thủ t-ớng Chính phủ (1994), *Quyết định số 90 - TTg ngày 7/3/1994 của Thủ t-ớng Chính phủ về việc tiếp tục sắp xếp DNNN*, Hà Nội.
50. Thủ t-ớng Chính phủ (1994), *Quyết định số 91 - TTg ngày 7/3/1994 của Thủ t-ớng Chính phủ về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh*, Hà Nội.
51. Ths. Đào Xuân Thủy (2005), “Một số vấn đề về hình thành tập đoàn kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Công nghiệp*, (số tháng 9).
52. Tổng cục Thống kê (2004), *Niên giám thống kê Việt Nam 2003*, Hà Nội.
53. Ths. Phan Minh Tuấn (2003), “Về tập đoàn kinh tế và triển vọng xây dựng tập đoàn kinh tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, (Số 5).
54. Ths. Phan Minh Tuấn (tháng 4 - 2003), “Tập đoàn kinh tế Trung Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin KCN Việt Nam*, (Số 31).
55. TSKH. Trần Nguyễn Tuyên, Ban Kinh tế Trung - ơng (18 đến 24/4/2005), “Kinh tế Việt Nam trong xu thế phát triển của kinh tế khu vực và thế giới”, *Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình D-ơng*, (Số 16).
56. Vũ Huy Từ (chủ biên) (2002), *Mô hình tập đoàn kinh tế trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Trang web Bộ Tài chính: Mof.gov.vn (cập nhật ngày 02/6/2005), “Tập đoàn kinh tế: không có mô hình duy nhất cho tất cả”, *Mục Nghiên cứu trao đổi*.
58. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng (tháng 3 - 2001), *Báo cáo Kinh tế Việt Nam 2000*, Hà Nội.
59. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng, *Báo cáo tóm tắt: “ Những nội dung chủ yếu của Dự thảo Đề án hình thành và phát triển tập đoàn kinh tế trên cơ sở Tổng Công ty Nhà n-ớc”* , Hà Nội.
60. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng, Dự án VIE 01/012 (tháng 7 - 2003), *Chính sách phát triển kinh tế - Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc, Tập 1*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội. *Tập 2*, (tháng 9 - 2004), Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội. *Tập 3*, (tháng 9 - 2004), Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
61. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng (tháng 3 - 2003), *Dự thảo Báo cáo Kinh tế Việt Nam 2002*, Hà Nội.
62. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng (tháng 2 - 2002), *Kinh tế Việt Nam 2001*, Hà Nội.
63. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung - ơng (số 1 - 2004), *Thông tin chuyên đề: Đẩy mạnh cải cách DNNN đáp ứng yêu cầu phát triển đất n-ớc, gia nhập và là thành viên WTO*, Hà Nội.
64. Vụ Công tác lập pháp (2003), *Những vấn đề cơ bản của Luật Doanh nghiệp Nhà n-ớc - Năm 2003*, Nxb T- pháp, Hà Nội.